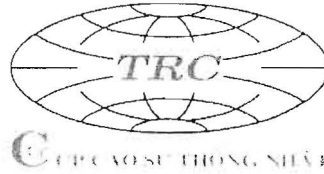


CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT
PHÒNG KẾ TOÁN – TÀI VỤ



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ IV NĂM 2016

*BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*

Kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		183,815,822,833	187,893,203,501
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		136,535,945,334	154,470,970,498
Tiền	111		16,208,274,100	44,122,382,428
Các khoản tương đương tiền	112		120,327,671,234	110,348,588,070
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20,000,000,000	10,000,000,000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh ngắn hạn (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20,000,000,000	10,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12,974,070,174	6,446,727,639
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		15.275,474,690	9,204,761,576
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1,585.225,000	1,387,533,200
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136		2,000,338,359	2,157,357,638
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(5,886.967,875)	(6,302,924,775)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		13,053,987,208	16,970,989,667
Hàng tồn kho	141		13,053,987,208	19,461,216,197
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(2,490,226,530)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,251,820,117	4,515,697
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		50,805,163	-
Thuê và các khoản phải thu Nhà nước	153		1,201,014,954	4,515,697
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		141,274,433,234	133,186,178,569
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		46,154,853,016	43,646,273,930
Tài sản cố định hữu hình	221		45,928,186,350	43,362,940,597
Nguyên giá	222		104,938,488,810	97,766,785,336
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59,010,302,460)	(54,403,844,739)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		226,666,666	283,333,333
Nguyên giá	228		340,000,000	340,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(113,333.334)	(56,666,667)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Giá trị hao mòn lũy kế	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		66,945,862,724	61,557,809,669
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	144,253,178
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		66,945,862,724	61,413,556,491
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		26,811,175,704	26,811,175,704
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		26,811,175,704	26,811,175,704
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1,362,541,790	1,170,919,266
Chi phí trả trước dài hạn	261		777,780,056	490,143,708
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		584,761,734	680,775,558
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		325,090,256,067	321,079,382,070
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		17,657,104,816	18,640,367,961
I. Nợ ngắn hạn	310		17,657,104,816	18,640,367,961
Phải trả người bán ngắn hạn	311		301,047,316	1,320,230,406
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		930,000,000	1,670,000,000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		1,552,000	1,620,300,359
Phải trả người lao động	314		4,328,858,406	5,755,085,123
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3,352,376,063	3,454,281,563
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319		2,032,185,885	2,406,325,420
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	200,000,000
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		6,711,085,146	2,214,145,090
Quỹ bình ỗ giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		307,433,151,251	302,439,014,109
I. Vốn chủ sở hữu	410		307,433,151,251	302,439,014,109
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		192,500,000,000	192,500,000,000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		91,957,636,159	88,326,440,768
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22,975,515,092	21,612,573,341
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		431,360,950	21,612,573,341
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22,544,154,142	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		325,090,256,067	321,079,382,070



TRẦN HỮU TRÍ
Người lập biểu



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Kế toán trưởng




NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Phó Tổng Giám đốc
Bà Rịa, ngày 18 tháng 01 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, P.Phước Hưng, TP.Bà Rịa

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Quý VI năm 2016		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		21,668,028,275	18,852,459,125	58,721,368,820	83,401,333,327
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần	10		21,668,028,275	18,852,459,125	58,721,368,820	83,401,333,327
Giá vốn hàng bán	11		20,849,806,684	20,287,990,308	55,950,168,585	84,904,213,560
Lợi nhuận gộp	20		818,221,591	(1,435,531,183)	2,771,200,235	(1,502,880,233)
Doanh thu hoạt động tài chính	21		2,586,862,975	2,006,173,100	25,199,381,639	6,024,993,020
Chi phí tài chính	22		-	-	-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
Chi phí bán hàng	24		10,342,800	1,800,000	55,104,020	43,382,680
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,467,160,977	2,782,409,633	6,680,719,037	10,719,286,782
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		1,927,580,789	(2,213,567,716)	21,234,758,817	(6,240,556,675)
Thu nhập khác	31		168,226,250	664,455,624	2,799,659,984	28,214,544,823
Chi phí khác	32		251,834,487	1,816,047,626	389,409,804	6,354,481,931
Lợi nhuận khác	40		(83,608,237)	(1,151,592,002)	2,410,250,180	21,860,062,892
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,843,972,552	(3,365,159,718)	23,645,008,997	15,619,506,217
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		361,633,205	2,328,381,299	1,004,841,031	3,407,799,202
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		32,424,560	(748,853,114)	96,013,824	(680,775,558)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1,449,914,787	(4,944,687,903)	22,544,154,142	12,892,482,573
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		75	(257)	1,171	670
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		75	(257)	1,171	670

TRẦN HỮU TRÍ
Người lập bảng

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Kế toán trưởng



NGUYỄN HỮU MẠNH CƯỜNG

Phó Tổng Giám đốc
Bà Rịa, ngày 18 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		23,645,008,997	15,619,506,217
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02		5,039,788,954	5,460,161,244
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		(2,906,183,430)	2,524,804,053
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(24,657,388,343)	(33,614,177,145)
Chi phí lãi vay	06		-	-
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		1,121,226,178	(10,009,705,631)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(7,758,690,055)	889,511,746
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		6,551,482,167	10,014,226,761
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(3,779,781,434)	2,385,217,209
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(287,636,348)	(135,697,537)
Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2,722,334,498)	(3,887,493,269)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3,020,955,875)	(3,176,357,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9,896,689,865)	(3,920,297,721)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(13,259,007,404)	(20,085,039,658)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		242,490,000	37,959,330,698
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10,000,000,000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24,586,110,405	5,960,829,946
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1,569,593,001	23,835,120,986
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9,607,928,300)	(9,602,866,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9,607,928,300)	(9,602,866,000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỶ	50		(17,935,025,164)	10,311,957,265
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỶ	60		154,470,970,498	144,159,013,233
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỶ	70		136,535,945,334	154,470,970,498

1424
TY
AN
SU
THAT
HA-VN

TRẦN HỮU TRÍ
Người lập bảng

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Kế toán trưởng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯNG
Phó Tổng Giám đốc
Bà Rịa, ngày 18 tháng 01 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV Năm 2016

I, ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1, Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất (dưới đây gọi là “Công ty”) được chuyển thể từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 22/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 01 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới một số doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và theo Quyết định số 4993/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cao su Thống Nhất thành Công ty cổ phần,

Ngày 26 tháng 06 năm 2006, Công ty Cao su Thống Nhất chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000263 và cấp lại mã số doanh nghiệp số 3500100424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần thứ 3 vào ngày 15/7/2016. vốn điều lệ của Công ty là 192,500,000.000 đồng.

2, Lĩnh vực kinh doanh: Nông nghiệp & công nghiệp chế biến

3, Ngành nghề kinh doanh: Trồng mới, chăm sóc, khai thác, sơ chế, mua bán cao su; Chế biến, mua bán nông sản, rau quả, thức ăn gia súc, gỗ và các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (San lấp mặt bằng); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Khai thác vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản (đất, đá, cát); Mua bán phế liệu các loại; mua bán vật tư kim khí, thiết bị ô tô, xe máy, hoá chất (không phải hoá chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông), phân bón và nông lâm sản, cao su; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Kinh doanh ván Okal, ván MDF, gỗ ván nhân tạo các loại; Kinh doanh ô tô các loại: xe mới 100% và xe đã qua sử dụng,

4, Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

5, Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

6, Cấu trúc doanh nghiệp:

Văn phòng chính của Công ty đặt tại 256 đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Danh sách các đơn vị trực thuộc Công ty không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc,

+ *Nông trường Cao su Hòa Bình 2 – Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;*

+ *Nông Trường Cao su Phong Phú - Xã Long Phước, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*

+ *Nhà máy CB Mù Cao Su Bàu Non - Xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu;*

+ *Nhà máy CB Mù Cao Su Phong Phú - Xã Đá Bạc, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;*

+ *Xí nghiệp CBNS Phước Hưng – Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.*

II, KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1, Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

2, Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam,

ICÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

III, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1, Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính V/v Hướng dẫn chế độ kế toán Doanh nghiệp:

2, Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính,

3, Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung

IV, CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1, Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc,
- Công ty tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung, các đơn vị trực thuộc thực hiện hình thức kế toán báo số về Công ty,

2, Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền,

3, Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ, Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập Bảng cân đối kế toán,

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh,

4, Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi,

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán,

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm,

5, Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại,

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được, Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển,

1 CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính, Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm,

6, Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế,

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng, Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành,

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh,

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 20 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận tải	5 - 07 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 07 năm

7, Tài sản cố định vô hình

Phần mềm quản lý vườn cây được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao 06 năm.

8, Xây dựng cơ bản dở dang (“XDCB”)

8,1 Vườn cây cao su

Vườn cây cao su trong giai đoạn đầu tư được ghi nhận như chi phí xây dựng cơ bản dở dang và không trích khấu hao cho đến khi vườn cây cao su được đưa vào khai thác,

Giá gốc của vườn cây cao su khi đưa vào khai thác được xác định bằng diện tích khai thác nhân với suất đầu tư, Khi thanh lý vườn cây cao su, phần chênh lệch giữa giá trị thu hồi và giá trị còn lại của vườn cây cao su được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm,

Khấu hao của vườn cây cao su được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ước tính 20 năm,

8,2 Xây dựng cơ bản dở dang khác

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác là chi phí xây dựng các công trình chưa hoàn thành, mua sắm máy móc thiết bị chưa nghiệm thu và không trích khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang,

9, Các khoản đầu tư khác

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm,

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với

ICÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này,

10, Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

11, Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận vào chi phí phát sinh nhưng thực tế chưa chi trả trong năm và được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí,

12, Quỹ tiền lương

Tiền lương được tính và ghi nhận vào chi phí trong năm tài chính này căn cứ theo phương án do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua,

13, Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại,

14, Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước,

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm kế toán,

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện,

15, Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động, các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba, Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Đồng Nai, Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty CP Phát triển Công nghệ và Dịch vụ Sáng Tạo	TP, HCM, Việt Nam	Bên liên quan
Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Bách Tùng	Đồng Nai, Việt Nam	Bên liên quan

ICÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

V, THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

1, Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ		Số đầu năm
- Tiền mặt	714.873.088		968.651.816
- Tiền gửi ngân hàng	15.493.401.012		43.153.730.612
- Các khoản tương đương tiền	120.327.671.234		110.348.588.070
Tổng cộng:	136.535.945.334		154.470.970.498

a) Chi tiết tiền mặt tại quỹ	VND	Ngoại tệ	Cộng
Tại quỹ Văn phòng công ty	343.943.901		343.943.901
Tại quỹ NTCS Hòa Bình 2	2.037.022		2.037.022
Tại quỹ NTCS Phong Phú	6.652		6.652
Tại quỹ Nhà máy SCCS Bàu Non	6.150		6.150
Tại quỹ Xí nghiệp CBNS Phước Hưng	368.879.363		368.879.363
Tổng cộng:	714.873.088	-	714.873.088

b) Chi tiết tiền gửi ngân hàng	VND	USD	Cộng
Ngân hàng NN&PTNT Vũng tàu	3.524.566.263		3.524.566.263
HDBank - Chi nhánh Vũng Tàu	9.490.834.298		9.490.834.298
Maritime Bank - Chi nhánh Vũng Tàu	2.451.797.635		2.451.797.635
VietinBank - Chi nhánh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	26.202.816		26.202.816
Tổng cộng:	15.493.401.012	-	15.493.401.012

c) Chi tiết các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ		Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	120.327.671.234		110.348.588.070
Tổng cộng:	120.327.671.234		110.348.588.070

2, Các khoản đầu tư tài chính	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b1) Ngắn hạn	20,000,000,000	20,000,000,000	10,000,000,000	10,000,000,000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng trở lên	20,000,000,000	20,000,000,000	10,000,000,000	10,000,000,000
b2) Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn				
- Trái phiếu				
- Các khoản đầu tư khác				

ICÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Cuối kỳ			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác (*)	26,811,175,704		26,811,175,704	26,811,175,704		26,811,175,704

(*) Đây là khoản vốn góp trong Công ty cổ phần dịch vụ xuất nhập khẩu nông lâm sản và phân bón Bà Rịa (Bariaserece) là 1,796,000 USD tương đương với 26,811,175,704 VND theo tỷ giá tại thời điểm góp vốn chiếm tỷ lệ 12% vốn điều lệ công ty này.

3, Phải thu khách hàng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	15.275.474.690	5.569.147.875	9.204.761.576	4.219.180.000
Cty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.219.180.000	4.219.180.000	4.219.180.000	4.219.180.000
Công ty TNHH Ngân Phong Phú			943.950	
Châu Thị Hồng Diệp	24.161.760		32.297.790	
Nguyễn Thị Thu Hồng	37.595.070		92.148.840	
Huỳnh Thị Thanh Hương	13.923.000			
Công ty cổ phần Long sơn	6.709.483.383		187.360.595	
Công ty TNHH QUILON VN	1.684.386.446		1.329.469.756	
Công ty TNHH MTV Phạm Công Bình	11.513.000		163.020.000	
Công ty TNHH Thuận Hoà Lộc	50.590.500			
Cty Cổ phần Thắng Lợi - Bình Thuận	469.742.490			
DNTN TM Tuyết Sơn	92.220.000			
Công ty TNHH Thành Lợi	612.711.166		1.412.711.166	
Các khách hàng là Đại lý bán cảm	1.349.967.875	1.349.967.875	1.767.629.479	1.765.924.775
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-	-	-
Tổng cộng:	15.275.474.690	5.569.147.875	9.204.761.576	5.985.104.775

4, Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.585.225.000	1.387.533.200
Nguyễn Văn Cang		306.900.000
Công ty CP Đất Đỏ	1.398.400.000	1.058.400.000
Công ty TNHH TM XNK Hoàng Gia Phát		12.993.200
Công ty TNHH DV XD Thành Huy		9.240.000
Công ty TNHH TMDV Điện Tân Phát	90.575.000	
Công ty TNHH SX TM Phương Uyên	96.250.000	
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Tổng cộng:	1.585.225.000	1.387.533.200

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẬT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

5. Phải thu khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	2.000.338.359	317.820.000	2.157.357.638	317.820.000
Công ty TNHH Phát Hưng Tây Ninh	317.820.000	317.820.000	317.820.000	317.820.000
Phải thu bảo hiểm người lao động	341.436.641		369.909.421	
Trợ cấp ốm đau, thai sản phải thu			843.911	
Phải thu thuế TNCN người lao động	29.831.718			
Lãi tiền gửi phải thu	943.600.000		658.000.000	
Phải thu phụ cấp HDQT & Ban Kiểm soát	303.000.000		298.500.000	
Phải thu thuế TNCN người lao động			249.064.978	
Phải thu tiền tạm ứng người lao động	52.650.000		42.300.000	
Tiền ký quỹ (TK 2441)	5.000.000		155.000.000	
Phải thu khác XNNS Phước Hưng	7.000.000		7.000.000	
Phải thu BHXH tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu			58.919.328	
b) Dài hạn	-	-	-	-

6. Dự phòng phải thu khó đòi	Cuối năm	Đầu năm
a. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.886.967.875	6.302.924.775
Công ty TNHH MTV Phát Hưng Tây Ninh	4.537.000.000	4.537.000.000
Trần Thị Nhiều		11.457.140
Nguyễn Thị Ký	1.000.000	1.000.000
Mai Công Bài		12.554.900
Nguyễn Thị Sáu		14.104.360
Dương Thị Yên	70.000.000	90.000.000
Lê Ngọc Tùng	96.364.340	126.364.340
Dương Minh Chiến	52.379.160	52.379.160
Nguyễn Văn Phước	6.550.000	6.550.000
Lê Thị Mùi		94.290.000
Lê Thị Trúc Lệ	59.115.235	60.215.235
Lê Văn Tuy		55.000.000
TT Khuyến Nông	8.320.000	8.320.000
Trại Gà Vũ Thị Hồng Loan		26.079.750
Nguyễn Thanh Tự	60.500.000	65.500.000
Anh Hoàng - Long Phước	2.933.500	2.933.500
Nguyễn Thị Hồng Phượng	249.776.700	264.776.700
Lê Hữu Vinh	2.000.000	2.000.000

ICÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Nguyễn Thanh Quang	27.450.000		43.450.000
Phạm Ngọc Dũng	20.866.740		24.366.740
Ngô Văn Bu	482.712.200		502.712.200
Dương Văn Lợi	210.000.000		255.000.750
Nguyễn Thanh Hải			29.870.000
Nguyễn Thái Hùng			17.000.000
b. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-		-
c. Dự phòng phải thu khó đòi là các bên liên quan	-		-
Tổng cộng:	5.886.967.875		6.302.924.775

7. Tài sản thiếu chờ xử lý	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a) Tiền				
b) Hàng tồn kho				
c) TSCĐ				
d) Tài sản khác				

8, Nợ xấu	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đối tượng nợ
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
Tổng cộng:					

9. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	537.079.095	-	1.067.897.179	345.502.664
- Công cụ, dụng cụ	601.033.942	-	682.475.406	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.250.714	-	209.340.000	-
- Thành phẩm	11.902.623.457	-	17.479.673.612	2.144.723.866
- Hàng hoá	-	-	21.830.000	-
Tổng cộng:	13.053.987.208	-	19.461.216.197	2.490.226.530

10, Tài sản dở dang dài hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	144.253.178	144.253.178
Chi phí vườn ươm bầu tại NTCS Hoà Bình 2			144.253.178	144.253.178
Chi phí vườn ươm bầu tại NTCS Phong Phú				

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

b) Xây dựng cơ bản dở dang	66.945.862.724	-	61.413.556.491	61.413.556.491
Vườn cây cao su tại NTCS Phong Phú	9.846.878.177		10.822.712.522	10.822.712.522
Vườn cây cao su tại NTCS Hoà Bình	56.953.143.700		50.590.843.969	50.590.843.969
Chi phí Xây dựng cơ bản nhà máy Bàu Non	140.300.000			
Chi phí xây dựng cơ bản khác	5.540.847			
Tổng cộng:	66.945.862.724	-	61.557.809.669	61.557.809.669

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Vườn cây cao su</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	39.647.353.784	16.616.735.294	3.720.103.508	1.432.022.320	36.690.570.430	98.106.785.336
- Mua trong năm	69.940.721	3.872.523.000				3.942.463.721
- Đầu tư XDCB hoàn thành					3.784.237.450	3.784.237.450
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán			347.692.790		207.304.907	554.997.697
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	39.717.294.505	20.489.258.294	3.372.410.718	1.432.022.320	40.267.502.973	105.278.488.810
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	30.515.968.605	11.775.792.575	3.613.329.830	1.076.262.244	7.422.491.485	54.403.844.739
- Khấu hao trong năm	2.096.601.657	1.285.793.987	36.748.333	15.760.076	1.555.339.303	4.990.243.356
- Tăng khác						-
- Thanh lý, nhượng bán			347.692.790		36.092.845	383.785.635
- Giảm khác						-
Số dư cuối năm	32.612.570.262	13.061.586.562	3.302.385.373	1.092.022.320	8.941.737.943	59.010.302.460
Giá trị còn lại						
- Tại ngày đầu năm	9.131.385.179	4.840.942.719	106.773.678	15.760.076	29.268.078.945	43.362.940.597
- Tại ngày cuối năm	7.104.724.243	7.427.671.732	70.025.345		31.325.765.030	45.928.186.350

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

<i>12. Tăng, giảm TSCĐ vô hình</i>	<i>Chương trình phần mềm</i>
	<i>VND</i>
Nguyên giá	340.000.000
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối kỳ	-
Giá trị hao mòn lũy kế	113.333.334
Số dư đầu năm	56.666.667
- Khấu hao trong năm	56.666.667
- Số dư cuối kỳ	113.333.334
Giá trị còn lại	-
- Tại ngày đầu năm	283.333.333
- Số dư cuối kỳ	226.666.666

ICÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa -- Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

13, Chi phí trả trước	Số đầu năm	Số tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối kỳ
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	-	16.011.402.661	16.011.402.661	-
Khấu hao tài sản cố định chờ phân bổ	-	5.046.910.023	5.046.910.023	-
Chi phí tiền thuê đất nông nghiệp chờ phân bổ	-	3.020.061.000	3.020.061.000	-
Chi phí bảo hiểm phải nộp chờ phân bổ	-	4.109.673.762	4.109.673.762	-
Chi phí khác (Chi phí vật tư, CCDC chờ phân bổ, chi phí khác bằng tiền...)	-	3.834.757.876	3.834.757.876	-
a. Chi phí trả trước dài hạn	490.143.708	769.921.383	482.285.035	777.780.056
Chi phí sửa chữa TSCĐ, CCDC xuất dùng	490.143.708	769.921.383	482.285.035	777.780.056
Tổng cộng:	490.143.708	16.781.324.044	16.493.687.696	777.780.056

14, Tài sản khác	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn:		
- Thuế GTGT được khấu trừ	50.805.163	
b) Dài hạn	584.761.734	680.775.558
- Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	584.761.734	680.775.558
+ Dự phòng phải trả phí dịch vụ pháp lý theo hợp đồng số 02/2015/VPLS-TN	-	40.000.000
+ Trích chi phí thực hiện trích đo, lập bản đồ địa chính theo HĐ 01/2015/ĐĐ-TN	320.727.273	320.727.273
+ Lập dự phòng nợ phải thu khó đòi - Đại lý Nhà máy CB thức ăn chăn nuôi Hưng Long	264.034.461	320.048.285
Tổng cộng:	635.566.897	680.775.558

15, Phải trả người bán	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	301.047.316	301.047.316	1.320.230.406	1.320.230.406
Nguyễn Thành Trung	31.740.000	31.740.000	31.740.000	31.740.000
Công ty TNHH XD Mỹ Khánh	81.000.000	81.000.000	158.680.000	158.680.000
Nguyễn Thị Nga			111.067.146	111.067.146
Nguyễn Thị Hạnh	23.710.836	23.710.836	139.028.571	139.028.571
Nguyễn Thị Tuyết	98.596.480	98.596.480	162.977.760	162.977.760
Công ty cổ phần Long Sơn	66.000.000	66.000.000		
DNTN Bá Phúc			52.350.919	52.350.919

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty TNHH Vạn Phúc			579.789.595	579.789.595
Công ty TNHH Thạch Bằng			86.026.750	86.026.750
Công ty TNHH TM SX Mỹ Nông			(1.430.335)	(1.430.335)
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)				

16, Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP TM-DV-DL Cao su	632.600.000	632.600.000
Công ty CP Thắng Lợi - Bình Thuận		1.037.400.000
Công ty TNHH Đầu tư Thái Quốc Bảo	297.400.000	
Tổng cộng:	930.000.000	1.670.000.000

17, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	640.120.152	1.906.972.905	(2.547.093.057)	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt		-	-	-
Thuế Xuất nhập khẩu		-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	725.484.107	1.004.841.031	(2.722.334.498)	(992.009.360)
Thuế thu nhập cá nhân (*)	(4.515.697)	130.896.170	(188.793.073)	(62.412.600)
Thuế tài nguyên	798.400	8.431.440	(7.677.840)	1.552.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	253.897.700	3.064.115.389	(3.464.606.083)	(146.592.994)
Thuế bảo vệ môi trường		-	-	-
Các loại thuế khác	-	9.000.000	(9.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	11.618.320	(11.618.320)	-
Tổng cộng:	1.615.784.662	6.135.875.255	(8.951.122.871)	(1.199.462.954)
Trong đó:				
<i>Thuế và các khoản phải thu nhà nước</i>	<i>4.515.697</i>			<i>1.201.014.954</i>
<i>Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</i>	<i>1.620.300.359</i>			<i>1.552.000</i>

(*) Điều chỉnh giảm thuế TNCN phải nộp theo quyết toán năm 2015 với số tiền là 205,490,208, đồng

18, Phải trả người lao động	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương còn lại phải trả	4.328.858.406	5.755.085.123
Tổng cộng:	4.328.858.406	5.755.085.123

ICÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

19, Chi phí phải trả	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	3.352.376.063	3.454.281.563
Tiền ăn giữa ca	103.695.000	107.100.500
- NTCS Phong Phú	29.715.000	27.690.000
- NTCS Hòa Bình	60.480.000	64.870.000
- Nhà máy CBM Bàu Non	8.415.000	9.555.000
- Nhà máy CBM Phong Phú	5.085.000	4.985.500
Tiền thuê đất	1.597.544.699	1.597.544.699
Chi phí thuê xe	-	96.000.000
Chi phí kiểm toán BCTC	47.500.000	50.000.000
Chi phí trích lập. do vẽ bản đồ đất	1.603.636.364	1.603.636.364
b) Dài hạn	-	-
Tổng cộng:	3.352.376.063	3.454.281.563
a) Ngắn hạn	3.352.376.063	3.454.281.563

20, Phải trả khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	2.032.185.885	2.406.325.420
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	382.588.250	217.730.000
Công ty TNHH TK XD Núi Đất	42.000.000	42.000.000
Công ty TNHH XD TM DV ĐT Trần Văn	21.700.000	21.700.000
Công ty TNHH An Hạ	49.200.000	49.200.000
DNTN Lê Lê Khánh	25.000.000	25.000.000
Công ty TNHH Hoàng Diệp	16.695.000	16.695.000
DNTN Dương Hải	3.135.000	3.135.000
Công ty TNHH TM DV KT Thuận Phong	60.000.000	60.000.000
Cty TNHH MTCL Sài Gòn	14.858.250	14.858.250
Công ty TNHH Hữu Minh	100.000.000	
Lê Quốc Tuấn	50.000.000	
Công ty TNHH Công nghiệp Hằng Phong	16.088.765	
Công ty TNHH Xây Dựng 30/04	4.400.000	
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Đại Xương Thành	107.800.000	
Công ty TNHH Điện tử An Cơ Việt	80.500.000	
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.143.381.968	1.126.310.268
Viện điều dưỡng Nông nghiệp (NT Cà phê)	247.426.902	247.426.902
Công ty CP Sông Đà 11.5		800.000.000
Nguyễn Thành Tông – Cty TNHH Phát Hưng Tây Ninh	50.000.000	
b) Dài hạn	-	-
- Lãi vay		
- Các khoản khác		
Tổng cộng:	2.032.185.885	2.406.325.420

ICÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

21, Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm

22, Dự phòng nợ phải trả	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
Chi phí hỗ trợ pháp lý	200,000,000		200,000,000	-
Tổng cộng:	200,000,000	-	200,000,000	-

23, Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Sử dụng quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	1.689.504.118	5.183.511.900	1.464.900.000	5.408.116.018
Quỹ phúc lợi	517.519.903	2.233.505.100	1.448.055.875	1.302.969.128
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	7.121.069	-	7.121.069	-
Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành công ty	-	120.000.000	120.000.000	-
Tổng cộng:	2.214.145.090	7.537.017.000	3.040.076.944	6.711.085.146

24, Vốn chủ sở hữu

<i>a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</i>	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
Số dư đầu năm trước	192,500,000,000	86,277,191,739	23,975,498,202	302,752,689,941
- Lãi trong năm nay			12,892,482,573	12,892,482,573
- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển		2,565,203,717	(2,565,203,717)	-
- Trích lập quỹ KT-PL			(2,565,203,717)	(2,565,203,717)
- Trích lập quỹ KTBĐH			(100,000,000)	(100,000,000)
- Chia cổ tức			(9,625,000,000)	(9,625,000,000)
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS			(400,000,000)	(400,000,000)
- Giảm khác		(515,954,688)		(515,954,688)
Số dư cuối năm trước	192,500,000,000	88,326,440,768	21,612,573,341	302,439,014,109
Số dư đầu năm nay	192,500,000,000	88,326,440,768	21,612,573,341	302,439,014,109
- Lãi trong năm nay			22,544,154,142	22,544,154,142
- Lỗ trong năm nay				-
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển		3,631,195,391	(3,631,195,391)	-
- Giảm quỹ đầu tư phát triển				-
- Trích lập quỹ khen thưởng, Phúc lợi			(7,405,017,000)	(7,405,017,000)
- Trích lập quỹ khen thưởng ban			(120,000,000)	(120,000,000)

ICÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

điều hành				
- Chia cổ tức			(9.625.000.000)	(9.625.000.000)
- Phụ cấp HĐQT & Ban KS			(400.000.000)	(400.000.000)
Số dư cuối kỳ	192.500.000.000	91.957.636.159	22.975.515.092	307.433.151.251

<i>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (51%)	98.175.000.000	98.175.000.000
- Cổ đông khác (49%)	94.325.000.000	94.325.000.000
Cộng	192.500.000.000	192.500.000.000

<i>c) Cổ phiếu</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.250.000	19.250.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.250.000	19.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.250.000	19.250.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000	19.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	19.250.000	19.250.000

* *Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10,000 VND*

25, Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản nhận giữ hộ		
Ngoại tệ (USD)		2,511,13
Nợ khó đòi đã xử lý	236.344.110	
<i>Nguyễn Thị Sáu</i>	14.104.360	
<i>Lê Thị Mùi</i>	94.290.000	
<i>Vũ Thị Hồng Loan</i>	26.079.750	
<i>Lê Thanh Hải</i>	29.870.000	
<i>Lê Văn Tuy</i>	55.000.000	
<i>Nguyễn Thái Hùng</i>	17.000.000	

VI, THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Quý IV Năm nay	Quý IV Năm trước
Doanh thu bán mũ cao su	10.862.230.000	10.653.730.000
Doanh thu gia công mũ cao su	511.164.600	589.029.900
Doanh thu bán điều nhân & gia công điều	10.282.602.311	7.609.699.225
Doanh thu bán thức ăn gia súc và nguyên liệu	12.031.364	
Doanh thu khác		
Tổng cộng	21.668.028.275	18.852.459.125

ICÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Quý IV Năm nay	Quý IV Năm trước
Chiết khấu thương mại		
Giảm giá hàng bán		
Hàng bán bị trả lại		
Tổng cộng:	0	0

3. Giá vốn hàng bán	Quý IV Năm nay	Quý IV Năm trước
Giá vốn bán mũ cao su	9.965.688.680	8.898.425.800
Giá vốn gia công mũ cao su	494.801.252	473.211.596
Giá vốn bán nhân điều, vỏ điều và phí gia công điều	10.367.269.989	7.283.015.571
Giá vốn khác (Nguyên liệu TÁC N xử lý)	355.265.153	
Giá vốn bán mũ thu mua	502.500.000	2.451.600.000
Tổng cộng	21.685.525.074	19.106.252.967
Dự phòng (hoàn) giảm giá hàng tồn kho	(835.718.390)	1.181.737.341
Tổng cộng	20.849.806.684	20.287.990.308

4. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý IV Năm nay	Quý IV Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.586.862.975	2.006.173.100
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Tổng cộng	2.586.862.975	2.006.173.100

5. Chi phí tài chính	Quý IV Năm nay	Quý IV Năm trước
Tổng cộng:	0	0

6. Chi phí bán hàng	Quý IV Năm nay	Quý IV Năm trước
Chi phí bốc xếp mũ cao su xuất bán	10.342.800	1.800.000
Tổng cộng	10.342.800	1.800.000

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý IV Năm nay	Quý IV Năm trước
Chi phí nhân viên	813.366.882	791.089.709
Khấu hao tài sản cố định	52.251.474	66.348.641
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	26.250.094	7.155.304
Chi phí trợ cấp mất việc làm	35.328.750	15.638.500
Thuế, phí và lệ phí	1.598.368	
Chi phí khác bằng tiền	827.109.519	2.002.177.479
Tổng cộng	1.755.905.087	2.882.409.633
Các khoản giảm trừ chi phí quản lý	288.744.110	100.000.000
Tổng cộng	1.467.160.977	2.782.409.633

ICÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỔNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

8. Thu nhập khác	Quý IV Năm nay	Quý IV Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản cố định(Cây cao su gãy đổ)	73.410.000	649.790.000
Thu từ bán tận thu phế phẩm mù	20.500.000	14.290.000
Thu từ điều nhận thứ phẩm	25.846.250	
Thu từ bán phế liệu		
Thu khác	48.470.000	375.624
Tổng cộng	168.226.250	664.455.624

9. Chi phí khác	Quý IV Năm nay	Quý IV Năm trước
Giá trị còn lại, chi phí thanh lý tài sản cố định	171.212.062	89.352.824
Chi phí khấu hao tài sản không liên quan	26.567.450	28.908.257
Chi phí khác	54.054.975	1.697.786.545
Tổng cộng	251.834.487	1.816.047.626

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Quý IV Năm nay	Quý IV Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.449.914.787	(4.944.687.903)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	1.449.914.787	(4.944.687.903)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19.250.000	19.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	75	(257)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Quý IV Năm nay	Quý IV Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.256.533.506	887.098.865
- Chi công cụ dụng cụ	582.574.138	36.868.910
- Chi phí nhân công	11.679.190.834	11.994.489.828
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.082.517.757	1.660.065.667
Chi phí khác bằng tiền	5.808.326.100	9.771.208.386
Cộng	21.409.142.335	24.349.731.656

VII, THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ:**VIII, NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

- 1, Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không
- 2, Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: Không
- 3, Thông tin về các bên liên quan:

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên HĐQT, Ban kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng thực nhận trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 đường 27/4, Phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2016

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Thu nhập	Số lượng	Tiền lương	Thưởng	Phụ cấp	Cộng (VNĐ)
- Hội đồng quản trị	05			63.000.000	63.000.000
- Ban Kiểm toán nội bộ	02			12.000.000	12.000.000
- Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	02	147.000.000			147.000.000
Cộng		147.000.000	0	75.000.000	222.000.000

Giao dịch với các bên có liên quan

Căn cứ tại Điểm 1.1, Khoản 1, Điều 7 và Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, các nghiệp vụ phát sinh chủ yếu với các bên liên quan:

Nội dung nghiệp vụ	Mối quan hệ	Quý IV năm 2016 (đồng)
- Bán cây cao su gãy đổ cho Công ty TNHH Hưng Nhơn	Cô đồng lớn, Phó Giám đốc là thành viên HĐQT Công ty	73.410.000
- Mua phân hữu cơ của Công ty TNHH Phân Bón Hữu Cơ Bách Tùng	Giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị	118.700.000

4, Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận: Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất được tổ chức 02 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, là:

- Văn phòng công ty bao gồm Nông trường cao su Hoà Bình 2; Nông trường cao su Phong Phú. Nhà máy chế biến mủ cao su Bàu Non: Chuyên khai thác, sơ chế, kinh doanh cao su,,,
- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng: Sơ chế, kinh doanh hạt điều; gia công điều nhân

BÁO CÁO BỘ PHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	CAO SU	ĐIỀU	TỔNG CỘNG
(1)	(2)	(3)	(4)
1, Doanh thu thuần	40.203.606.964	18.517.761.856	58.721.368.820
2, Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận			-
3, Khấu hao	4.682.948.470	356.840.484	5.039.788.954
4, Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.381.899.078	263.109.919	23.645.008.997
5, Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	9.386.484.404	3.872.523.000	13.259.007.404
6, Tài sản bộ phận	311.000.982.413	14.089.273.654	325.090.256.067
7, Tài sản không phân bổ			-
Tổng Tài sản	311.000.982.413	14.089.273.654	325.090.256.067
8, Nợ phải trả bộ phận	17.468.797.500	188.307.316	17.657.104.816
9, Nợ phải trả không bộ phận			-
Tổng Nợ phải trả	17.468.797.500	188.307.316	17.657.104.816

Ghi chú: Cột 4: Các số in đậm - khớp với số liệu trên Báo cáo KQKD và Bảng CĐKT

